

Bản án số: 54/2020/HS-PT

Ngày 26 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Minh;

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 392/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn Ch; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 125/2019/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Văn Ch, sinh năm 1985 tại Sóc Trăng; Căn cước công dân số: 09408500012Q cấp ngày 19/12/2017; nơi đăng ký thường trú: Số A, đường L, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (có đăng ký tạm trú): Số B, đường H, khu phố Ph, thị trấn H, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ tên Lê Thị Ngọc Tr và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 02/2020/LCĐKNCT ngày 05/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Kh, sinh năm 1967;

2. Bà Trương Kim C, sinh năm 1976;

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Ngày 17/10/2017, Trần Văn Ch đến Tiệm Cầm đồ Kim C (tức Hộ Kinh doanh Trương Kim C) tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, do bà Trương Kim C làm chủ; Ch gặp ông Nguyễn Kh (chồng bà C) và giới thiệu Ch là Cảnh sát Hình sự - Công an huyện L. Ch nói là có thể mua được xe thanh lý của Công an huyện L với giá rẻ và đề nghị ông Kh đưa tiền cho Ch, để làm thủ tục mua xe thanh lý. Ông Kh tin Ch là Cảnh sát và tin lời nói của Ch, nên đưa cho Ch hai lần, mỗi lần 2.000.000 đồng với tổng số tiền 4.000.000 đồng, để làm thủ tục mua xe thanh lý; việc đưa tiền không lập giấy tờ. Sau khi lấy được tiền, Ch tiêu xài cá nhân hết. Sau đó khoảng 01-02 tuần, Ch còn mượn ông Kh 03 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng, không xác định số tiền cụ thể của từng lần. Ch đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, từ ngày 18/6/2017 đến ngày 20/8/2017, Trần Văn Ch đã 03 lần đến Tiệm Cầm đồ Kim C, giới thiệu Châu là Cảnh sát Hình sự - Công an huyện L, để cầm cố xe mô tô với số tiền tổng cộng 23.200.000 đồng. Sau đó, Ch mượn ông Kh lại các xe mô tô này, bán cho người khác (không rõ lai lịch) hoặc cầm cố cho tiệm cầm đồ khác rồi bị thanh lý, nên không thu hồi được. Cả 03 lần cầm cố nêu trên đều có lập hợp đồng cầm cố. Việc giao nhận xe và tiền do ông Nguyễn Kh thực hiện giao dịch với Ch. Trong những lần mượn lại xe, Ch nói mượn để đi học hoặc đi làm; ông Kh giao xe và giấy tờ xe cho Ch; không hẹn ngày trả và không lập giấy tờ; còn bà C thì không biết. Ông Kh và bà C xác định toàn bộ số tiền đưa cho bị cáo là tiền của tiệm cầm đồ, là tài sản chung vợ chồng. Ch chỉ mới trả được 01 tháng tiền lãi cầm đồ là 180.000 đồng. Bà C nhiều lần yêu cầu Ch trả toàn bộ số tiền nêu trên và tiền lãi nhưng Ch vẫn không trả. Cuối năm 2018 âm lịch, bà C gọi điện thoại yêu cầu Ch trả tiền nhưng Ch không trả nên bà C trình báo sự việc đến Công an huyện L.

2. *Vật chứng:* 03 xe mô tô Ch đã bán, cầm cố cho những người không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu hồi được.

3. Về dân sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Ch đã trả lại 34.200.000 đồng cho bị hại (gồm: 23.200.000 đồng tiền cầm cố + 4.000.000 đồng tiền để làm hồ sơ xe thanh lý + 7.000.000 đồng tiền mượn). Trong giai đoạn điều tra, ông Kh đã có đơn “bãi nại” cho Ch; tại phiên tòa ngày 06/11/2019, ông Kh đề nghị được rút đơn bãi nại; tại phiên tòa ngày 12/9/2019 và 06/11/2019, bà C và ông Kh yêu cầu Ch trả 19.608.000 đồng tiền lãi (mức lãi suất 3%/tháng) nhưng Ch không đồng ý.

- Tại cấp phúc thẩm: Ngày 03/02/2020, Tòa án nhận được “Đơn bãi nại” của bị hại, thể hiện bị cáo Ch đã thanh toán số tiền 19.608.000 đồng tiền lãi theo yêu cầu; bị hại xác định quan hệ mượn 03 xe mô tô và 7.000.000 đồng là quan hệ vay mượn dân sự, đã được bị hại và bị cáo giải quyết xong nên đề nghị không xử lý hình sự; đồng thời, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo Ch được hưởng án treo; bởi vì, vợ bị cáo đang mang thai.

4. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 125/2019/HS-ST ngày 06 - 11 - 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Ch phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Ch 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Kiến nghị xem xét về hành vi của bị cáo Trần Văn Ch chiếm đoạt 03 chiếc xe mô tô nêu trên.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

5. Kháng cáo:

Ngày 15-11-2019, bị cáo Trần Văn Ch kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu hưởng án treo.

6. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; do đó, mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tại cấp phúc

thẩm, bị cáo cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của bị hại:

Bị hại có đơn đề nghị vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và áp dụng pháp luật:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Ch khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra vào năm 2017; so sánh khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), thì không có sự khác nhau về hình phạt và không có quy định nào có lợi hơn cho bị cáo. Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số: 12/2017/QH14, việc cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án là không đúng pháp luật; do đó, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[3] Về kháng cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Cấp sơ thẩm xác định: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thuộc các trường hợp được quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

+ Cấp phúc thẩm: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại làm “Đơn bãi nại”, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện có thời gian tham gia quân đội, vợ bị cáo đang mang thai, bị cáo là lao động chính và duy nhất trong gia đình; thuộc các trường hợp được quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có các tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên; giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn (4.000.000 đồng); ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết; do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về kiến nghị của cấp sơ thẩm:

Tại “Đơn bãi nại” ngày 03/02/2020 và Biên bản làm việc ngày 11/02/2020, bị hại xác định quan hệ mượn 03 xe mô tô và 7.000.000 đồng là quan hệ vay mượn dân sự, đã được bị hại và bị cáo giải quyết xong nên đề nghị không xử lý hình sự. Việc cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo có hành vi chiếm đoạt các tài sản nêu trên là không có cơ sở.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Đối với phần trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai được xem xét chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Ch;

Sửa về áp dụng pháp luật và hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 125/2019/HS-ST ngày 06 - 11 - 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số:

02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ch 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 26-02-2020.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Trần Văn Ch cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai, nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Ch không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện L;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện L;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành